

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/4/2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Khánh và ông Nguyễn Huy Sự.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2021/TLST - HNGĐ ngày 04/3/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1998; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đội x, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Trần Khánh V, sinh năm: 1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đội x, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:**

**\* Về hôn nhân:** Chị và anh Trần Khánh V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được hơn 01 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V ham mê chơi bời nên mắc nghiện ma túy. Mặc dù chị và gia đình hai bên động viên, đưa anh V đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh V vẫn không từ bỏ được việc sử dụng ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng

nhất từ giữa năm 2020, chị về nhà mẹ đẻ ở, sau đó anh V được gia đình đưa đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để sớm ổn định cuộc sống.

**\* Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Vũ Huyền A, sinh ngày 21/7/2018 và cháu Trần Vũ Khánh A, sinh ngày 27/9/2019. Hiện cả hai cháu ở với chị, ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện anh V đang cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam nên không có điều kiện. Bản thân chị đang làm công nhân may thu nhập bình quân khoảng 07 triệu đồng/tháng, cùng với sự giúp đỡ của bố mẹ, chị đủ điều kiện nuôi 02 con.

**\* Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Khánh V trình bày:**

**\* Về hôn nhân:** Anh và chị Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được hơn 01 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh mãi chơi, không làm chủ được bản thân nên mắc nghiện ma túy; từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi đánh nhau. Mặc dù đã nhiều lần thực hiện các biện pháp cai nghiện nhưng anh vẫn không từ bỏ được việc sử dụng ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ giữa năm 2020, chị H về nhà mẹ đẻ ở, sau đó anh được gia đình đưa đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. Nay chị H kiện ly hôn; anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn chị H. Do anh đang phải cai nghiện tập trung nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

**\* Về con chung:** Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Vũ Huyền A, sinh ngày 21/7/2018 và cháu Trần Vũ Khánh A, sinh ngày 27/9/2019. Hiện hai cháu ở với chị H, ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu; anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì anh đang cai nghiện tập trung nên không có điều kiện.

**\* Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Tại phiên tòa,** chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

#### **[4] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Bình Lục có quan điểm:**

\* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Khánh V.

- Về con chung: Giáo cháu Trần Vũ Huyền A và cháu Trần Vũ Khánh A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H và anh Trần Khánh V mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**I. Về tố tụng:** Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”; bị đơn – anh Trần Khánh V đăng ký HKTT tại Thôn Đội x, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam và đang cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do anh V đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **II. Về giải quyết vụ án:**

**[1] Về hôn nhân:** Chị Trần Thị H và anh Trần Khánh V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được hơn 01 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V mãi chơi, không làm chủ được bản thân nên mắc nghiện ma túy từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi đánh nhau. Mặc dù chị H và gia đình hai bên động viên và đưa anh V đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh V vẫn không từ bỏ được việc sử dụng ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ giữa năm 2020, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh V đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam; từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Xét thấy hiện cả chị H, anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn nhau là tự nguyện do vậy khả năng chị H, anh V đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh V là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2] Về con chung:** Chị Trần Thị H và anh Trần Khánh V có 02 con chung là cháu Trần Vũ Huyền A, sinh ngày 21/7/2018 và cháu Trần Vũ Khánh A, sinh ngày 27/9/2019; hiện hai cháu ở với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng anh V hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, không có khả năng nuôi con do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H và anh V; giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích với chị H đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ vừa là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cũng như là quyền lợi của cháu Huyền A và cháu Khánh A nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh V góp tiền cấp dưỡng nuôi con với lý do có đủ điều kiện. Xét anh V đang cai nghiện tập trung, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H, anh V; không buộc anh V phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

**[3] Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng); trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Do chị H, anh V không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh V xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**[4] Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị H phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

**1.** Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Khánh V.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Vũ Huyền A, sinh ngày 21/7/2018 và cháu Trần Vũ Khánh A, sinh ngày 27/9/2019 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng.

Anh Trần Khánh V không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Huyền A và cháu Khánh A cùng chị H.

Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huyền A và cháu Khánh A.

**3. Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002675 ngày 04/3/2021 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị Hiền đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND các xã H, A; huyện Bình Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đặng Trần Anh Dũng**  
**(Đã ký)**